

# Bản tin chứng khoán

## Trong số này

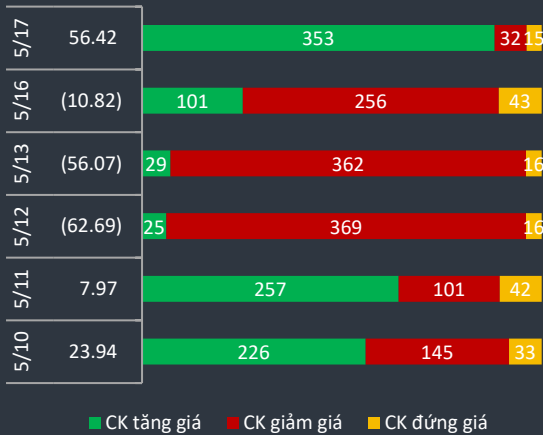
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

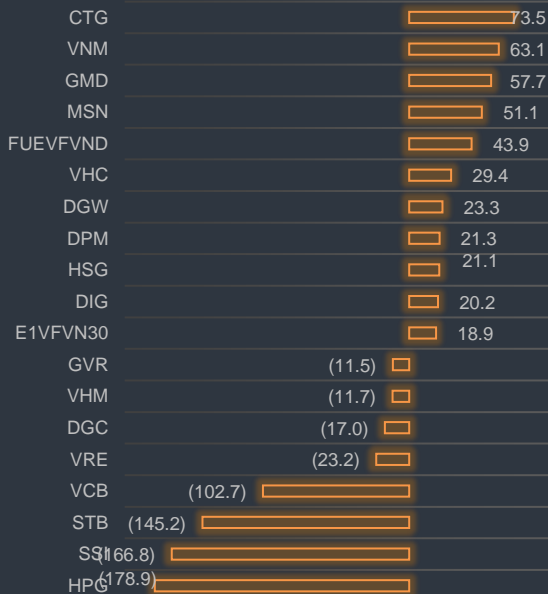
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

### Độ rộng thị trường



### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Như một cơn mưa rào sau chuỗi ngày nắng hạn, thị trường chứng khoán đã bật dậy với cú rướn gần 5% lên thẳng 56 điểm. Trước đó phiên sáng thị trường vẫn giao dịch thăm dò với đầy sự thận trọng dù chỉ số Vnindex đã xanh nhẹ. Nhà đầu tư vẫn chờ đợi một cú đánh úp vào cuối phiên như những phiên trước nhưng phiên chiều lại kết thúc đầy bất ngờ. Lệnh mua đổ mạnh gom hàng rất mạnh và dứt khoát, 50% cổ phiếu VN30 tăng trần đã kéo thị trường chung hồi phục đồng loạt.

Nhóm đã giảm mạnh nhất dĩ nhiên khi đảo chiều sẽ tăng nhanh nhất đó là nhóm chứng khoán. Gần như 70% cổ phiếu chứng khoán đều tăng trần hôm nay. Cơn sóng tăng tràn lan từ nhóm chứng khoán lớn sang nhóm nhỏ và cuối phiên hàng loạt cổ phiếu ở trạng thái dư mua giá trần. So với mức rơi trung bình hơn 50% kể từ đỉnh thì cổ phiếu chứng khoán vẫn còn khá rẻ và nhịp hồi dự kiến còn tiếp tục trong các phiên sau.

Ticker	Sàn	Giá	LOW 1Y	Đ?nh	EPS	PE
SSI	HOSE	29.15	25.8	-47.9%	2,738	10.6
VND	HOSE	24.20	13.0	-31.8%	5,479	4.4
SHS	HNX	16.80	14.1	-54.0%	4,293	3.9
HCM	HOSE	22.60	19.8	-53.5%	2,504	9.0
VIX	HOSE	11.75	10.0	-58.2%	2,679	4.4
VCI	HOSE	33.20	30.0	-58.1%	4,501	7.4
AGR	HOSE	12.50	11.6	-54.9%	1,840	6.8
MBS	HNX	22.70	20.2	-50.4%	2,193	10.4
CTS	HOSE	19.25	17.6	-58.3%	3,631	5.3
FTS	HOSE	35.05	27.3	-53.1%	5,733	6.1
VDS	HOSE	20.95	19.1	-50.9%	4,050	5.2

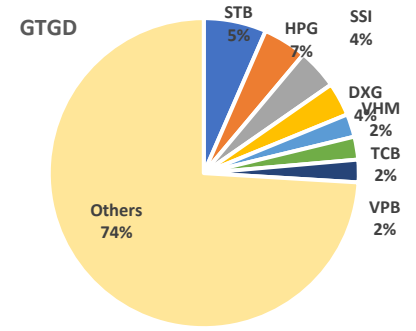
Cổ phiếu ngân hàng cũng có gần 50% số cổ phiếu tăng trần trong đó nhiều lệnh dư mua hàng triệu đơn vị cuối phiên ở SHB, MBB, VPB, STB. VCB nằm trong số những ngân hàng tăng nhẹ nhất cũng 2.4%.

Vnindex 1228.37

▲ +56.42 (+4.81%)

## Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
MWG	131.6	8.6	6.99
BID	34.5	2.3	6.99
MSN	96.5	6.3	6.98
FPT	99.7	6.5	6.97
CTG	26.3	1.7	6.92
MBB	26.3	1.7	6.91
PLX	41.8	2.7	6.91
TCB	34.9	2.3	6.90
VPB	31.0	2.0	6.90
POW	12.4	0.8	6.90
BVH	51.2	3.3	6.89
GVR	23.4	1.5	6.87
REE	70.1	4.5	6.86
STB	20.4	1.3	6.82
SSI	29.2	1.9	6.78
HDB	24.0	1.5	6.67
TPB	33.0	2.0	6.45
VNM	70.0	4.2	6.38
GAS	100.9	5.9	6.21
HVN	19.2	1.1	6.08
ACB	29.3	1.7	5.98
HPG	38.2	1.9	5.23
PNJ	103.1	5.1	5.20
SAB	165.5	7.7	4.88
NVL	78.3	3.3	4.40
PDR	57.0	2.4	4.40
VRE	27.4	1.2	4.38
VIB	26.6	1.1	4.11
BCM	70.0	1.8	2.64
VCB	76.0	1.8	2.43
VHM	66.9	1.1	1.67
DHG	92.0	1.5	1.66
VJC	128.0	2.0	1.59
VIC	78.0	1.0	1.30



Thị trường hôm nay có phiên hồi khá ấn tượng với nền xanh bao phủ quanh vùng đáy 1180. Chưa thể xác nhận đây là đáy cuối cùng trong nhịp giảm trung hạn nhưng tại vùng này nhiều cổ phiếu đã về vùng giá hấp dẫn để tích lũy dần như ở nhóm ngân hàng có STB, VPB, TCB, MBB, OCB, chứng khoán có VCI, SSI, FTS, CTS. Cổ phiếu các nhóm ngành logistics, hóa chất như GMD, HAH, DGW, DGC, DPM.

Thị trường trong những phiên tới có thể vẫn còn dao động và rung lắc nhất định nhưng có thể kỳ vọng thị trường sẽ giữ đà hồi phục trong ngắn hạn tiệm cận lại vùng 1300. Nhà đầu tư vẫn nên duy trì nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải và hạn chế sử dụng margin trong giai đoạn hiện tại. Tận dụng các nhịp hồi để cơ cấu lại danh mục và đưa tài khoản về trạng thái an toàn.

Danh mục cổ phiếu nắm giữ ngắn hạn: STB, VPB, BID, OCB, VCI, FTS, CTS, DGC, DGW, MWG, FPT, GMD.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
STB	20.4	(14.9)	17	28	Mua mới quanh 18-29	5/17/2022	1.8%
VCI	33.2	(5.7)	30	50	Mua mới quanh 30-32	5/17/2022	0.6%
FTS	35.1	(14.9)	30	45	Mua mới quanh 30-32	5/17/2022	1.6%
DGW	99.7	(14.8)	90	120	Mua thêm quanh 85-90	5/16/2022	-12.5%
MSN	96.5	(16.9)	90	120	Mua thêm quanh 90-95	5/16/2022	-8.1%
VPB	31.0	(6.9)	25	45	Mua thêm quanh 30-31	5/16/2022	-6.1%
GVR	23.4	(5.7)	20	35	Mua thêm quanh 22-24	5/16/2022	-10.2%
VIB	26.6	(30.7)	22	35	Mua thêm quanh giá 23-25	5/16/2022	-8.3%
OCB	18.5	(6.6)	15	26	Mua thêm quanh 16-18	5/16/2022	-11.9%
VCB	76.0	(5.0)	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	-3.1%
HPG	38.2	(7.1)	35	50	Nằm giữ	2/8/2022	-15.1%
TNG	27.1	(12.0)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 35	2/7/2022	-6.6%
STK	52.3	(6.1)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	-1.3%
MBB	26.3	(2.8)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	-9.3%
MWG	131.6	(6.1)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	-2.5%
DPM	72.0	(10.8)	35	77	Chốt lãi	2/7/2022	71.4%
REE	72.0	(6.9)	60	90	Chốt lãi	1/20/2022	56.5%

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

## Tăng trưởng ngành trong ngày



### CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa (SBT – HOSE)

Ông Đặng Văn Thành, chồng bà Huỳnh Bích Ngọc – Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa (SBT – HOSE) đã bán toàn bộ hơn 9,99 triệu cổ phiếu SBT sở hữu, tỷ lệ 1,54%. Giao dịch đã thực hiện từ ngày 13/4 đến 11/5 theo phương thức thỏa thuận.

### CTCP Vinaconex (VCG – HOSE)

VCG thông báo, đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2 triệu cổ phần tại CTCP Đầu tư và Dịch vụ đô thị Việt Nam (Vinasinco) Sau chuyển nhượng, VCG còn nắm giữ 1 triệu cổ phần tại Vinasinco, tương ứng tỷ lệ sở hữu 25%.

### Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB – HOSE)

Bà Phạm Thị Kim Ngọc, vợ ông Trần Nhất Minh – Phó tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB – HOSE) đăng ký bán 1,9 triệu cổ phiếu VIB từ ngày 19/5 đến 17/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Dự kiến giao dịch thành công, bà Ngọc sẽ giảm sở hữu tại VIB xuống còn hơn 88.000 cổ phiếu.

### CTCP Thép Pomina (POM – HOSE)

Ông Nguyễn Thế Anh Tuấn, cháu của ông Đỗ Văn Khánh – Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Pomina (POM – HOSE) đăng ký bán hơn 2,77 triệu cổ phiếu POM từ ngày 19/5 đến 17/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Dự kiến giao dịch thành công, ông Tuấn sẽ giảm sở hữu tại POM xuống còn hơn 2,81 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1%.

### CTCP Traphaco (TRA – HOSE)

TRA thông qua việc trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 10/6/2022 và thanh toán bắt đầu từ ngày 27/6/2022.

### CTCP Ánh Dương Việt Nam (VNS – HOSE)

Ông Đặng Thanh Duy, Phó tổng giám đốc CTCP Ánh Dương Việt Nam (VNS – HOSE) đăng ký mua 4,8 triệu cổ phiếu VNS, tỷ lệ 7,70% từ ngày 19/5 đến 17/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh. Hiện tại, ông Duy chưa nắm giữ bất kỳ cổ phiếu VNS nào.



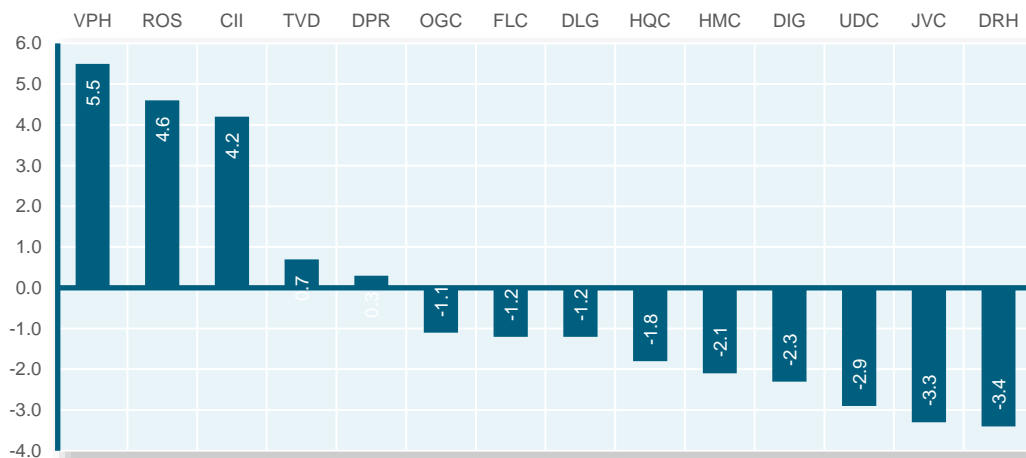


## Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	27	82,357	98,086	19.1%	41,478	54,098	30.4%
Bất động sản	72	62,697	46,729	-25.5%	11,746	10,415	-11.3%
Sản xuất và KD Thép	26	75,320	108,404	43.9%	8,886	9,967	12.2%
Dầu khí	22	103,834	173,495	67.1%	4,931	6,670	35.3%
Thực phẩm và đồ uống	70	60,283	62,634	3.9%	3,610	6,027	67.0%
Phân bón	13	10,388	20,483	97.2%	225	4,815	2036.3%
Điện	41	27,534	36,471	32.5%	2,462	4,799	94.9%
Dịch vụ tài chính	40	10,466	14,040	34.2%	3,532	4,743	34.3%
Vận tải - Logistics	69	19,671	23,903	21.5%	2,550	3,333	30.7%
Xây dựng	101	32,978	32,205	-2.3%	1,883	3,216	70.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58	16,670	23,388	40.3%	2,502	2,930	17.1%
Bất động sản KCN	21	12,803	12,523	-2.2%	2,634	2,926	11.1%
Bán lẻ	20	52,675	65,406	24.2%	1,753	2,084	18.9%
Hóa chất	25	14,070	21,084	49.9%	798	2,022	153.4%
Vật liệu xây dựng	39	11,623	14,340	23.4%	1,188	1,604	35.0%
Thủy sản	25	13,681	17,157	25.4%	494	1,481	199.5%
Công nghệ Thông tin	17	9,847	12,189	23.8%	954	1,465	53.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	14,084	17,789	26.3%	1,038	1,380	33.0%
Bảo hiểm	12	15,510	17,666	13.9%	1,230	1,341	9.0%
Dệt May	20	11,400	15,588	36.7%	531	823	55.0%
Y tế	34	10,474	9,339	-10.8%	606	735	21.4%
Nước	49	5,118	5,419	5.9%	727	647	-11.1%
Tài nguyên Cơ bản	20	7,246	8,491	17.2%	481	490	1.9%
Du lịch và Giải trí	30	7,525	8,365	11.2%	113	411	263.8%
Khoáng sản	25	13,545	19,506	44.0%	(79)	366	-563.3%
Ô tô và phụ tùng	11	9,478	11,218	18.4%	289	318	9.8%
Truyền thông	27	896	909	1.5%	181	180	-0.7%
Cao su	13	1,154	1,211	5.0%	175	161	-7.6%
Bao bì	16	5,719	8,100	41.6%	125	128	2.0%
Xây dựng và Vật liệu	51	5,031	4,506	-10.4%	27	48	76.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	1,796	2,599	44.7%	29	28	-2.0%
<b>Tổng</b>	<b>1024</b>	<b>725,871</b>	<b>913,243</b>	<b>25.8%</b>	<b>97,099</b>	<b>129,650</b>	<b>33.5%</b>



## Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



## Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	29.3	-15.0%	2,617,900	7.3	1.6	-	-	4,022	17,840
BID	HOSE	34.5	-7.9%	1,116,800	13.2	2.0	92,200	111,200	2,615	17,066
CTG	HOSE	26.3	-24.6%	5,909,200	9.6	1.3	2,892,800	93,300	2,739	20,454
EBB	HOSE	31.5	-7.1%	156,900	26.9	2.1	41,200	3,500	1,172	15,006
HDB	HOSE	24.0	-22.8%	2,515,100	6.8	1.5	519,400	233,600	3,506	16,306
LPB	HOSE	14.0	-31.0%	4,745,800	4.8	1.0	293,000	7,400	2,933	14,712
MBB	HOSE	26.3	-8.6%	8,100,400	6.7	1.5	2,800	1,000	3,933	17,750
MSB	HOSE	19.5	-31.5%	1,849,600	6.0	1.3	-	-	3,231	15,132
OCB	HOSE	18.5	-33.9%	1,505,900	5.8	1.1	178,100	-	3,206	16,404
SHB	HOSE	13.0	-42.2%	11,063,300	4.5	0.9	872,500	7,000	2,913	14,181
SSB	HOSE	34.8	-17.9%	1,976,300	15.1	2.6	9,500	1,200	2,304	13,611
STB	HOSE	20.4	-36.6%	30,818,300	11.0	1.1	2,167,000	9,302,700	1,856	18,174
TCB	HOSE	34.9	-31.5%	9,447,600	6.4	1.2	117,300	117,300	5,458	28,080
TPB	HOSE	33.0	-22.9%	3,919,900	8.1	1.9	214,300	50,900	4,079	17,310
VCB	HOSE	76.0	-3.8%	2,262,300	12.9	2.6	611,300	1,963,100	5,910	29,421
VIB	HOSE	28.6	-44.2%	1,725,900	5.7	1.6	-	-	4,651	16,748
VPB	HOSE	31.0	-13.9%	10,387,900	6.0	1.4	-	-	5,135	21,416
BAB	HNX	19.7	-13.6%	20,100	19.3	1.6	-	-	1,021	12,279
NVB	HNX	35.0	6.1%	25,900	-	4.5	300	-	3	7,695
VBB	UPCOM	11.7	-38.7%	38,000	11.0	1.0	-	-	1,068	12,202
VAB	UPCOM	10.7	-27.7%	843,400	5.6	0.9	-	-	1,902	12,443
SGB	UPCOM	14.5	-22.0%	3,500	-	1.2	-	-	540	12,368
PGB	UPCOM	22.6	-32.7%	166,400	22.7	1.6	-	-	997	14,272
NAB	UPCOM	15.7	-20.7%	84,600	-	-	-	-	3,247	17,329
KIB	UPCOM	31.0	21.6%	4,000	30.1	2.3	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	13.8	-40.0%	881,700	19.0	1.1	-	-	725	13,020
ABB	UPCOM	11.7	-28.7%	2,626,800	4.7	0.9	-	-	2,491	12,860
				104,313,100	11.21	1.61	8,011,700	11,892,200	2,692	16,197



## Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TPC	HOSE	24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTW	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PPP	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GER	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VGG	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	REE	HOSE	17/05/2022	18/05/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	SED	HNX	13/05/2022	16/05/2022	8/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	INN	HNX	12/5/2022	13/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VNX	UPCoM	12/5/2022	13/05/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TDW	HOSE	11/5/2022	12/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HHR	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GMH	HOSE	10/5/2022	11/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:45	Phát hành thêm
15	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:39	Thưởng cổ phiếu
16	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BAX	HNX	9/5/2022	10/5/2022	11/8/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TET	HNX	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHA	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FMC	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRL	HOSE	6/5/2022	9/5/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 4/2021 bằng tiền, 2,273 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	AGP	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VLA	HNX	6/5/2022	9/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:85	Thưởng cổ phiếu
25	NDW	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	20/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CAB	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	9/6/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 540 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HRB	UPCoM	5/5/2022	6/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh  
khanhnh@vise.com.vn

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931